

SỨ MỆNH TRẦN THẾ

Trần Xuân Thời

SỨ MỆNH TRẦN THẾ	1
Dẫn Nhập	2
1-	2
2-	2
I. VỀ PHƯƠNG DIỆN CHÍNH TRỊ:	3
3-	3
4-	4
5-	4
6-	5
II. VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP CHẾ:	6
7-	6
8-	7
9-	7
10-	8
Marcus Tullius Cicero	8
11-	9
12-	9
13-	10
III. VỀ PHƯƠNG DIỆN VĂN HÓA GIÁO DỤC	11
14-	11
15-	11
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	12
16- Sự đóng góp của Giáo hội về khoa học.	12
17-	12
18- Tư tưởng lên khuôn cho hành động.	12
IV. VỀ PHƯƠNG DIỆN KINH TẾ XÃ HỘI:	19
Tạm kết	20

Dẫn Nhập

Ngoài diễn mô về chuẩn bị tâm linh cho hậu kiếp, các tôn giáo nhập thể thường rất tích cực trong công tác phụng sự xã hội, nghĩa là tham gia vào hầu hết các vấn đề thuộc đời sống trần thế trong các lĩnh vực văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị.

Sứ mệnh trần thế của Giáo hội Công giáo nhằm xây dựng xã hội mặc nhiên đã được bao hàm trong giáo điều dạy mỗi tín hữu phải "Mến Chúa và yêu người". Mến Chúa, nói một cách giản dị là "Thờ phượng một Thiên Chúa và kính mến Người trên hết mọi sự và yêu tha nhân như mình ta vậy."

1-

Yêu người là thực thi sứ mệnh xã hội, xây dựng trần thế về mọi phương diện liên quan đến đời sống con người. Từ những việc hàng ngày như lấy "lời lành mà khuyên người, mở miệng dạy kẻ mê muội, an ủi kẻ âu lo, răn bảo kẻ có tội." cho đến các công tác quan trọng ảnh hưởng đến đời sống con người về các phương diện văn hoá, giáo dục, xã hội, kinh tế, chính trị. Mục đích nhằm sửa trị thế sự nên chính trực, xây dựng một thể chế chính trị nhân bản "vì dân, bởi dân và do dân", tôn trọng nhân phẩm, vì mỗi người sinh ra trên trần thế "đều mang hình ảnh của Thượng Đế, nên "Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong". Các chế độ phi nhân, độc tài đảng trị, coi rẻ sinh mạng con người, dù thuộc hữu phái hay tả phái, đều phải được ngăn cấm vì các chế độ phi nhân ngăn cản thể nhân tìm kiếm hạnh phúc chân chính trái với Thiên lý.

"Law of Creator or of nature forbids all political systems that are destructive of man's real happiness." (Sir William Blackstone).

2-

Công Giáo là đạo thờ Trời. "Catholic" có nghĩa là đạo chung của nhân thể. Danh xưng này đã được dùng từ thế kỷ thứ nhất sau công nguyên. Đã quan niệm là đạo chung thì trách nhiệm chẳng những lo phần linh hồn, tâm linh, mà phải xây dựng đời sống trần thế.

"The Lord is my strength and my shield; my heart trusts in him, and he helps me. My heart leaps for joy, and with my song I praise him." (Psalm 28.7)

Thiên Chúa Giáo với quan niệm nhập thể, ưu tư cho tự do, no ấm chung của mọi công dân, mọi quốc gia. "Chúa đến để giúp cho đời sống của nhân thể được sung mãn". Mọi người phải được sống sung mãn về cả phần hồn lẫn thể xác, xứng đáng với nhân phẩm của con người mang hình ảnh của Chúa.

Chủ trương này được cụ thể hoá qua hệ thống cơ sở bác ái trên toàn thế giới và chính sách tham gia vào mọi sinh hoạt trần thế của Giáo hội qua lịch sử.

Đó là triết lý hành động căn bản cho mọi tín hữu trong tình "Mến Chúa, Yêu Người". Đường hướng đã rõ rệt thì còn gì phải e ngại khi phải dấn thân vào công tác xây dựng cộng đồng, xã hội.

Truyền thống hành hiệp, quan tâm đến sinh hoạt trần thế đã được thể hiện qua chính sách của Giáo hội hơn 2000 năm lịch sử sau Chúa Giáng Sinh. Chính sách của các Đức Giáo Hoàng về xã hội, chính trị, kinh tế, giáo dục, đã là kim chỉ nam hướng dẫn hành động của mỗi giáo hữu khi phải chấp nhận thái độ thích ứng đối với các vấn đề trọng đại của cuộc sống.

I. VỀ PHƯƠNG DIỆN CHÍNH TRỊ:

3-

Suốt 300 năm đầu sau Công nguyên, Giáo hội đã trải qua nhiều gian lao và thử thách. Triết lý căn bản của các vị Giáo Hoàng là xem gian lao, thử thách là những nấc thang để xây dựng Giáo Hội. Các vị Giáo Hoàng tiên khởi không quản ngại khó khăn, càng bị bách hại bao nhiêu, các Ngài càng phấn đấu cho sự sinh tồn và bành trướng của Giáo Hội, đem công bằng, bác ái, xây dựng trần thế, "Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, đem chí nhân thay cường bạo". Tinh thần nhập cuộc xây dựng trần thế của các vị Giáo Hoàng tiên khởi đã gây ảnh hưởng sâu đậm trong nhân gian. Minh chứng cụ thể là Hoàng đế La Mã Constantine, người đã thiết lập vương triều tại Constantinople và ban hành lệnh Chúa Nhật là ngày quốc lễ, mọi công dân đều được nghỉ việc, tục lệ này được áp dụng cho đến ngày nay. Hoàng Đế Constantine trị vì đế quốc La Mã từ năm 324 đến năm 337 đã trở lại đạo Công giáo. Thái hậu Helena (AD 250-330) mẹ của Hoàng Đế Constantine có công tìm thấy và mang cây Thánh Giá nguyên thủy mang hình hài của Chúa Kitô trên đồi Golgota để bảo quản. Năm 380, Hoàng Đế La Mã Theodosius tôn sùng Thiên Chúa giáo như quốc giáo.

“In 380, Emperor Theodosius made Christianity the only and official religion of the Roman Empire - To be a Roman was to be a Christian” (Catholic Church History, Bellito).

Từ đó, Thiên Chúa Giáo đã ảnh hưởng lớn lao đến đời sống văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và luật pháp của Đế quốc La Mã và nền văn minh Tây Phương, sau này được mệnh danh là nền văn minh Thiên Chúa Giáo. Giáo hội đã tích cực đóng góp vào sự xây dựng một nền chính trị nhân bản bằng cách gây ảnh hưởng đến chính quyền cai trị của đế quốc La Mã. Vào năm 494, sau Công nguyên, Đức Giáo Hoàng Gelasius I đã gửi thông điệp cho Hoàng đế La Mã Anastasius vạch rõ hai hệ thống quyền hành ngự trị đế quốc La Mã, đó là: Thần Quyền tức là Giáo Hội Thiên Chúa Giáo và Thế Quyền tức là đế quốc La Mã. Thần Quyền như hồn và Thế Quyền như thể xác. Hồn điều khiển xác. Hồn và xác không thể tách rời nhau được.

Như vậy Thần Quyền hướng đạo Thế Quyền về phương diện tinh thần và chính sách cai trị của thế quyền, vì thế, phải phù hợp với những giá trị tinh thần của Tòa Thánh.

4-

Ảnh hưởng của Giáo quyền đối với đế quốc La Mã mỗi ngày một bành trướng đến nỗi Hoàng đế La Mã còn mang ý nghĩa "Thọ mệnh Trời trị vì thiên hạ" qua nghi thức tấn phong các vị Hoàng đế do Đức Giáo Hoàng chủ lễ. Năm 800, Đức Giáo Hoàng Léo thứ III đã tấn phong Charlemagne lên ngôi Hoàng đế La Mã. Ngược lại, các vua, chúa, cũng đã bổ nhiệm các vị Giám Mục, tu sĩ, vào các chức vụ của triều đình. Quyền tấn phong song hành với quyền truất phế hoặc truất phép thông công và chế tài các vị vương tước phạm lỗi. Năm 1077, Đức Giáo Hoàng Gregory VII đã phạt Hoàng đế Henry IV đứng ba ngày trong tuyết giá trước điện Canossa, trước khi cho triều kiến. Đức Giáo Hoàng Gioan XXII đã truất phép thông công nhiều viên chức cao cấp của triều đình vì phạm giáo luật. Viên chức bị truất phép thông công cũng mất luôn quyền công dân. Chính trị trải dài qua lịch sử bao gồm cả vấn đề cải tiến nhân sinh, tránh những hiểm họa chiến tranh, độc tài đảng trị của các chế độ phi nhân như các chế độ vua chúa chuyên chế, các chính thể độc tài Cộng Sản, phát xít của Đức quốc xã...

5-

Trước khi bản Tuyên Ngôn Cộng Sản Quốc Tế ⁽¹⁾ ra đời năm 1848, Đức Giáo Hoàng Piô thứ IX, năm 1846 đã tuyên bố trong Tông Huấn “Qui Pluribus” về Đức tin và Tôn giáo:

“That infamous doctrine of so called Communism which is absolutely contrary to the natural law itself, and if once accepted would utterly destroy the rights, property and possessions of all men and even society itself”.

-Cái học thuyết xấu xa gọi là chủ nghĩa Cộng sản hoàn toàn trái với luật tự nhiên, và một khi được chấp nhận, nó sẽ tiêu diệt hết dân quyền, tài sản, quyền sở hữu của nhân loại và chính xã hội loài người-.

Sau đó ĐGH Lêô thứ XIII, trong Tông Huấn “Quod Apostolici Muneris” ngày 28/12/1878) đã sánh Xã Hội chủ nghĩa ⁽²⁾, Cộng Sản chủ nghĩa ⁽³⁾ và Hư vô chủ nghĩa ⁽⁴⁾ như những cơn dịch hạch xâm nhập vào xương tủy để huỷ diệt nhân loại.

“A fatal plague which insinuates itself into the very marrow of human society only to bring about its ruin”.

¹ Communist Manifesto

² Socialism

³ Communism

⁴ Nihilism

“ Ta đã vội vàng chỉ ra trong một bức thông điệp gửi đến các hiền huynh đáng kính, **căn bệnh dịch chết người chủ nghĩa xã hội, cộng sản hoặc hư vô** đang len lỏi vào tận sâu thẳm của xã hội loài người và dẫn xã hội đến bờ vực hủy diệt” ...:và khuyên nhân loại "Hãy thông tri rộng rãi, đừng ngừng lại, hãy cất cao giọng nói của bạn như một chiếc kèn trumpet”.

Sự so sánh này quả là một cảnh giác cho nhân loại về sự tác hại của Chủ nghĩa Cộng sản trong quá khứ và gần đây qua đại dịch phát xuất từ Vũ Hán hủy diệt hàng triệu nhân mạng trên thế giới. ĐGH còn nhấn mạnh về vấn đề Chủ nghĩa CS, chủ trương vô sản chuyên chế truất hữu hết quyền làm chủ tài sản của nhân dân.

“ Communism in the strict sense demands that both production-goods, such as land, railways, and factories, and consumption-goods, such as dwellings, furniture, food, and clothing, should be the property of the whole community”.

Trên thế giới ngày nay có hai chủ trương đối nghịch là “ Tư bản” tôn trọng, dân chủ, tự do trong đó có tự do có tự do chấp hữu tài sản đối nghịch với chủ trương Công sản hay vô sản chuyên chính chủ trương tước đoạt quyền tư hữu của nhân dân và tất cả các quyền căn bản khác của con người.

6-

Đức Giáo Hoàng Piô X đã nỗ lực chặn đứng Thế chiến thứ I và Giáo Hoàng Benedicto XV nỗ lực chấm dứt chiến tranh. Công nghiệp của các Ngài đã được ghi vào sử sách. Sử gia Edward Rice đã viết lại trong cuốn The Church:

A Pictorial History: "His repeated efforts at negotiations were spurned by the governments on either side. Yet Benedicto continued to work for peace both openly and secretly".

Năm 1922, Giáo Hoàng Piô XI lên kế vị Giáo Hoàng Benedictô XV, tiếp nối công trình tranh đấu cho hòa bình thế giới và tình trạng sinh sống của giới lao động thế giới. Ngài đã cảnh cáo chế độ Đức Quốc Xã qua bản văn "Mit Brennender Sorge" có nghĩa là những chiếc hòm đang bốc cháy nhằm cảnh giác tai họa thế chiến do nhóm quân phiệt Hitler, đang đe dọa phát động.

Năm 1937, Giáo Hoàng Piô XII lên nhậm chức đã quyết liệt bài trừ các chính quyền độc tài chuyên chế Cộng sản Nga Sô chà đạp nhân quyền, và sau đó, cộng sản Trung Hoa với chính sách tàn bạo giết hàng chục triệu dân Trung Hoa, đã bị Đức Giáo Hoàng cực lực phản đối. Công tác xây dựng xã hội trần thế nhân bản của Ngài đã làm thay đổi sâu rộng đời sống của nhân loại, chẳng những về phương diện chính trị mà cả xã hội và trí tuệ. [1]

Năm 1971, Thượng Hội Đồng Giám Mục đã công bố bản văn về "Công bình trên thế giới - Justice in the world" nhấn mạnh về vấn đề bảo vệ công lý cho nhân thế vì thế giới đang bị bất công, đàn áp, làm tiêu hủy giá trị làm người.

"We have been able to perceive the serious injustices which are building around the world of men a network of domination, oppression and abuses which stifle freedom and which keep the greater part of humanity from sharing in the building up and enjoyment of a more just and fraternal world".

II. VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP CHẾ:

7-

Về phương diện pháp chế, từ thời Hoàng đế Constantine, các bộ luật Tư pháp và Công pháp của La Mã được biến cải và thiết lập theo giá trị luân lý của Thiên Chúa Giáo. Luật La Mã, nhất là bộ luật canh cải “Corpus Juris Civilis” từ thời Hoàng Đế Justinian (482-565), vẫn được đề cập mỗi khi bàn về cổ luật.

“It is a vital pillar of modern law in many European nations, and influential in other countries”,

với lời mở đầu: “Chúng tôi đã quyết định, với ơn trợ giúp của Thiên Chúa, thực hiện một món quà, vì lợi ích chung, những gì mà nhiều vị hoàng đế trong quá khứ cho là cần được cải thiện, nhưng không ai trong số họ, trong thời gian đó, dám thực hiện. [ii]

Phúc Âm được rao giảng tự do trong toàn đế quốc. Các bộ luật này về sau dùng làm mẫu mực cho các quốc gia Tây phương mô phỏng để hình thành các bộ luật riêng cho mọi quốc gia, kể cả luật pháp của Hoa Kỳ hiện nay, đều có sự hội nhập của Thiên luật vào nhân luật.

“The law of Creator is binding over all the globe, in all countries and at all times”.

Những cải cách của Giáo hoàng Gregory VII (1020-1085) đã tạo động lực cho việc hình thành luật pháp của các quốc gia Châu Âu. Luật pháp ra đời là để bảo vệ những người sinh sống trong thẩm quyền quản hạt của luật đó. Sống trong một xã hội có luật pháp cai trị tốt hơn là sống trong xã hội vô pháp, vô thiên, độc tài, cai trị bằng vũ lực hoặc luật rừng. [iii]

Linh mục Andrew Pinsent, viết trên tờ Catholic Herald, muốn nhắc nhở thế giới rằng nhiều điều tốt đẹp mà chúng ta tận hưởng hiện nay trong cuộc sống đã được Giáo hội bảo vệ và cổ vũ qua nhiều thế kỷ. LM Pinsent nhận định rằng Giáo hội có liên quan rất nhiều đến sự phát triển của luật lệ hiện đại và nhiều khái niệm pháp lý mà chúng ta thấy thường dùng trong nền luật pháp tại các quốc gia dân chủ hiện nay. [iv]

LM Pinsent viết: “Những cải cách của Giáo Hoàng Gregory VII đã tạo động lực cho việc hình thành luật lệ của Giáo hội và các quốc gia ở Châu Âu... Việc áp dụng triết học vào luật pháp cùng với những công trình vĩ đại của các tu sĩ như

Gratian thế kỷ XII, đã tạo ra bộ luật có hệ thống và hoàn chỉnh đầu tiên, trong đó tất cả các ngành luật được xem là tương tác với nhau để tạo thành một tổng thể”. [v]

8-

Cuộc cách mạng này cũng dẫn đến việc thành lập các trường luật, bắt đầu từ Bologna (1088). Từ đó, nghề luật ra đời, và những khái niệm như tư cách pháp nhân, làm cơ sở pháp lý của nhiều cơ quan ngày nay như trường đại học, hiệp hội thương mại và quỹ tín thác:

“This revolution also led to the founding of law schools, starting in Bologna (1088), he continues. From those, the legal profession emerged, and concepts such as “corporate personality,” the legal basis of a wide range of bodies today such as universities, corporations and trust funds:”

Các nguyên tắc pháp lý như ngay tình; quyền hỗ tương-có đi có lại; bình đẳng trước pháp luật; luật pháp quốc tế; xét xử bằng bồi thẩm đoàn; habeas corpus. Thủ tục này nhằm bảo vệ nghi can. Tòa ra lệnh cho nhân viên dẫn nghi can đến trước tòa, chống lại các mật chỉ; hoặc để kiểm chứng sự hợp pháp của sự bắt giam; kiểm chứng thẩm quyền của tòa án ra lệnh bắt giam; hoặc thi hành thủ tục bảo hộ thân nhân và nghĩa vụ chứng minh hành vi phạm tội không còn lý do để nghi ngờ, đều là thành quả của nền văn minh và luật học do Giáo Hội Thiên Chúa giáo đóng góp.

“Legal principles such as good faith, reciprocity of rights, equality before the law, international law, trial by jury, habeas corpus and the obligation to prove an offense beyond a reasonable doubt are all fruits of Catholic civilization and jurisprudence...”

9-

Tại Đông phương Đức Khổng Tử đã thể hiện tinh thần tôn trọng Thượng Đế qua danh ngôn” Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong “. Thuận Thiên thì sống, nghịch Thiên thì chết. Các ý niệm về nhân quyền, quyền bất khả xâm phạm không do nhân luật hay luật chính quyền cai trị ấn định mà là luật tự nhiên con người được hưởng khi mới chào đời. Chính quyền có bổn phận bảo vệ các quyền bất khả xâm phạm của thể nhân.

Bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Hoa kỳ, thể hiện Thiên Luật, được soạn thảo dựa trên triết lý hành động: (1)Tạo hoá tạo dựng nên con người bình đẳng và ban cho con người các quyền bất khả xâm phạm như quyền được sống, được tự do và quyền tìm kiếm hạnh phúc; (2) Chính quyền có nhiệm vụ bảo vệ các quyền bất khả xâm phạm này; (3) Nếu chính quyền nào thu hồi những quyền bất khả xâm phạm này, nhân dân có quyền nổi dậy và thành lập chính quyền mới” [vi]

Tổng Thống Abraham Lincoln, đã xác nhận quốc gia Hoa Kỳ được tạo dựng trong ơn Thánh Sùng của Chúa trong bài diễn văn lịch sử đọc tại Gettysburg, Pennsylvania năm 1863.

"This Nation, under God, shall have a new birth of freedom and shall not perish on the earth".

Tinh thần Thiên Chúa Giáo đã đóng vai trò quan trọng trong đời sống của công dân Hoa Kỳ, gây ảnh hưởng đến sinh hoạt văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, pháp luật, đều dựa trên tinh thần và giá trị xã hội của Thiên Chúa Giáo.

Trong sinh hoạt hàng ngày, đâu đâu cũng văng vẳng lời cầu nguyện thể hiện trong mọi sinh hoạt của quốc gia:

- Lời cầu nguyện xin Chúa chúc phúc lành trong mọi điệp văn của Tổng Thống.
- Lời nguyện xin Chúa chúc phúc trước khi khai mạc các phiên họp của Lưỡng Viện Quốc Hội.
- Lời nguyện cầu trong lúc tuyên thệ tại Tòa án "So help me God".
- Các phiên tòa khai mạc bằng câu "God save the United States and his Honorable Court".
- Lễ Tạ ơn hàng năm được cử hành trọng thể.
- Trên các công thự và giấy bạc đều có khắc câu: "In God we trust" câu này thể hiện biểu hiệu của Hoa Kỳ được dùng từ năm 1860 và được Quốc Hội Hoa Kỳ thứ 84 biểu quyết dùng làm châm ngôn của Hoa Kỳ.

10-

Thiên lý đã gây ảnh hưởng sâu đậm, hướng dẫn mọi khía cạnh sinh hoạt của xã hội Hoa Kỳ. Dẫu tin hay không tin vào Thiên luật. Thiên luật vẫn đã được ấn định trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (Universal Declaration of Human Rights) và được trên 190 quốc gia công nhận để cố gắng dùng làm mẫu mực bảo vệ nhân quyền chung cho nhân loại.

Marcus Tullius Cicero

Marcus Tullius Cicero Luật gia, Thượng Nghị Sĩ, Thượng Viện La Mã, triều đại Hoàng Đế Caesar, sinh năm 106 và qua đời năm 43 trước Công nguyên, đã nhận định về luật thiên nhiên gồm 3 đặc điểm: **Luật chân chính là lẽ phải hợp với Tự nhiên; nó có tính ứng dụng phổ quát, không thay đổi và vĩnh viễn. Việc cố gắng thay đổi luật này là một tội lỗi, cũng không được phép cố gắng kháng cáo bất kỳ phần nào trong đó và không thể bãi bỏ nó hoàn toàn. Thiên Chúa là tác giả của luật này, người ban hành và thẩm phán thi hành luật này.** [vii]

Các cuộc cách mạng Mỹ năm 1776 và cách mạng Pháp 1789 đã đặt căn bản trên luật Thiên nhiên để tranh đấu cho nhân quyền.

11-

Sau thế chiến thứ hai, bốn quốc gia Mỹ, Anh, Pháp, Nga lập tòa án hình sự quốc tế tại Nuremberg từ 20-11-1945 đến 01-10-1946, và sau đó tại Tokyo, xét xử tội ác “chống nhân loại” của các viên chức dân chính và quân sự Phát Xít Đức và Nhật.

Cái khó cho Tòa án Quân sự Nuremberg là đến đầu thế kỷ thứ 20, trong vấn đề bang giao quốc tế. Các công ước 1899 và 1907, chỉ quy định các vấn đề liên quan đến chủ quyền quốc gia ⁽⁵⁾, chưa có luật nào minh định vấn đề trừng trị các quốc gia gây chiến. Nghĩa là không có quy định ⁽⁶⁾ và cũng không có tiền lệ ⁽⁷⁾ để áp dụng. [viii]

Mặc dù toà án căn cứ vào nhân luật ⁽⁸⁾ nhưng vì lý do “**Nhân luật không hẳn là yếu tố duy nhất để phân định đúng, sai.** “*The positive law is not necessarily the sole determinant of what is right*”, nên Tòa án Nuremberg, từng tắc biến, biến tắc thông, đã âm thầm áp dụng **Thiên luật qua nguyên tắc đạo lý do Đức Giáo Hoàng Gregory the Great (540-604) đã minh định trong Tông huấn Moralia “by nature all men are born free and equal”, một cách hợp tình, hợp lý.**

Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng. Quyền làm người ⁽⁹⁾ phải được bảo vệ là nguyên tắc có giá trị tinh thần, đạo đức, luân lý xã hội, “kinh thiên, địa nghĩa”, mà Tòa án Nuremberg đã áp dụng để bảo vệ sự trường tồn của nhân loại. Luật lệ và đạo lý như bóng với hình “law and morals are inexplicably intertwined”, không thể để cho các quốc gia thăm sát lẫn nhau mà không có biện pháp ngăn ngừa hay trừng trị.

Các phiên tòa tại Nuremberg đã xác định rằng nhân loại sẽ được bảo vệ bởi một lá chắn pháp lý quốc tế và ngay cả một Nguyên thủ quốc gia cũng sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự và bị trừng phạt về các hành vi gây hấn và tội ác chống lại loài người. [ix]

12-

Từ phán quyết của Tòa Án Quân Sự Nuremberg năm 1946, ngày 10 tháng 12 năm 1948, Liên Hợp Quốc đã ban hành bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền ⁽¹⁰⁾ là văn bản pháp lý phổ quát quốc tế đầu tiên công nhận các nguyên tắc “nhân quyền” mà Tạo hóa đã ban cho nhân loại có tính cách ràng buộc như khái niệm nhân

⁵ (state sovereignty)

⁶ (rule)

⁷ (precedent)

⁸ (positive/man-made law)

⁹ (human rights)

¹⁰ Universal Declaration of Human Rights

quyền mà thế giới công nhận như hiện nay. Như đã thượng dẫn, nhân quyền là quyền tự nhiên do Tạo hóa đã ban cho nhân loại. Vi phạm nhân quyền là vi phạm Thiên luật. Thiên luật hiện hữu để bảo vệ trật tự luân lý của vũ trụ và cần thiết để duy trì sự trường tồn của nhân loại và nhân luật cần thiết để bảo vệ an ninh, trật tự.

“The natural law teaches us the necessity of self-preservation, man-made law is required if we are to protect order and security” (Thomas Hobbes, 1588-1679).

Tòa án Nuremberg lần đầu tiên, trong luật pháp quốc tế, đã phân biệt rõ ràng “Cá nhân có hành động vi phạm luật quốc tế, dù đương sự là Quốc trưởng hay Viên chức chính phủ, nếu vi phạm, đều phải chịu trách nhiệm theo luật quốc tế. [x]

Kết quả Adolf Hitler và hai viên chức cao cấp khác đã tự sát, 12 phạm nhân bị treo cổ và 3 phạm nhân bị án tù chung thân và 4 phạm nhân từ 10 đến 20 năm tù và 3 bị can được tha bổng. Toà án quân sự quốc tế tại Tokyo, Nhật bản, đã treo cổ 7 can phạm và 16 can phạm bị phạt tù chung thân.

13-

Nhìn về cổ lý, cái gọi là Hiến Pháp Cộng Hoà Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thực chất là một bản văn với nhiều điều khoản bất công trong đó có điều 4 dành quyền cai trị VN cho đảng Cộng Sản, nhằm áp đặt chế độ vô sản chuyên chế ⁽¹¹⁾ lên toàn dân quốc nội. Một bản văn bất công như vậy làm sao được gọi là hiến pháp theo tiêu chuẩn của thế giới tự do! **Quốc gia mà không có luật pháp hợp lý thì không được gọi là quốc gia mà chỉ là một bọn gian nhân hợp đảng.** “What are States without justice, but robber bands enlarged?” ⁽¹²⁾

Một nguy quyền ban hành các luật lệ bất công thì quốc dân đồng bào có quyền bác bỏ và bất tuân lệnh. [xi]

Đúng vậy, một văn kiện bất công không phải là luật mà nhân dân phải tôn trọng. ”an unjust law is not law at all - Lex iniusta non est lex” (Cicero). Triết gia Anh quốc John Locke (1632-1704) đồng tình hỗ trợ nhân dân nổi dậy chống bất công, bạo ngược. ...” accepts the right of the people to overthrow tyranny”, nghĩa là đồng bào quốc nội có quyền lật đổ chế độ độc tài đảng trị.

Thực hiện lý tưởng không những thực hiện chương trình hợp với cương thường đạo nghĩa mà còn phải ngăn cản người khác làm việc ác. Vì “Nếu người tốt vòng tay, tĩnh tọa, thì kẻ gian tà sẽ chiến thắng. ⁽¹³⁾

¹¹ (dictatorship of the proletariat)

¹² St. Augustine, (354-430)

¹³ “The only thing necessary for the triumph of evil is for good men to do nothing” (John S. Mill).

III. VỀ PHƯƠNG DIỆN VĂN HÓA GIÁO DỤC

14-

Từ thế kỷ thứ 4, ngôn ngữ mục vụ đã được biến cải từ ngôn ngữ Aramaic sang tiếng Latin. Từ đó, tiếng Latin được dùng trong nghi lễ cho đến năm 1963. Cộng đồng Vatican II đã quyết định chuyển từ ngôn ngữ Latin qua ngôn ngữ địa phương.

Phát triển giáo dục là mối lưu tâm lớn lao của Giáo Hội đối với các dân tộc. Giáo hội đã bành trướng giáo dục cấp đại học đầu tiên trên thế giới qua sự hình thành các tu viện và các cơ quan nghiên cứu kinh tế, xã hội, chính trị và khoa học đầu tiên của nền giáo dục Tây phương phát xuất từ các tu viện.

Các tu viện như Dominicans, Francisco đã đóng góp vào sự phát triển giáo dục từ thế kỷ thứ 8 với công trình diễn giảng về triết học, khoa học nhân văn. Đặc biệt, Giáo Hội đã đóng góp vào sự bành trướng ngành ngoại giao. Khoa chính trị học được phát triển với sự cộng tác của Machiavelli. Machiavelli viết cuốn sách *The Prince* (Sứ Quân), được xem như tác phẩm đầu tiên phân tích tư tưởng và kỹ thuật chính trị được hệ thống hóa cho các vua chúa nghiên cứu và đã góp phần lớn lao vào sự trưởng thành của khoa học chính trị thế giới.

15-

Năm 1540, Giáo sĩ Loyola lập Society of Jesus được Giáo Hoàng Paul III chấp thuận. Society of Jesus đã huấn luyện các giáo sĩ và thành lập các phái bộ truyền giáo gửi đi khắp năm châu, bốn bể để rao giảng phúc âm cho Mỹ Châu, Phi Châu, Á Châu, Úc Châu... Tạp chí liên lạc "Relations" đã mô tả những phong tục tập quán của các miền xa đất lạ. Giáo hội cổ động gia tài văn hóa nhân loại để nghiên cứu, phổ biến trong các cơ sở giáo dục đại học giúp phát triển khoa học nhân văn và thay đổi chính sách của Giáo hội cho phù hợp với lối sống và hành đạo của mỗi địa phương.

Sự cải tổ chính sách và huấn luyện tăng lữ đã được Giáo hội lưu ý trước tình trạng biến chuyển của thời Phục Hưng - Renaissance - như một luồng gió mới thổi qua Âu Châu. Phong trào lãng mạn - Romanticism – cũng đã bành trướng qua các sinh hoạt văn hóa và dùng tôn giáo làm đề tài sáng tác. Giáo hội nghiêm nhiên trở thành cơ quan bảo trợ cho các công trình phát triển nghệ thuật. Văn chương, thi phú, kịch nghệ, tranh vẽ, đều tìm nguồn cảm hứng qua các đề tài tôn giáo. Các công trình kiến trúc thể hiện nền văn minh Âu Châu đều thể hiện tinh thần Thiên Chúa Giáo, với các hình tượng Thiên thần trên các lâu đài nguy nga tráng lệ.

Các phái bộ truyền giáo đến các lục địa xa lạ, học nói ngôn ngữ địa phương, hội nhập vào đời sống bản xứ và lập các trường học, cơ quan giáo dục, tu viện, đại học, để giảng huấn và truyền bá văn hóa và văn minh, thực thi sứ mệnh văn hóa, mở mang kiến thức cho nhân loại, như tại Việt Nam “Quốc ngữ chữ nước ta” do LM

Đắc Lộ và các giáo sĩ thừa sai sáng tác. Dòng Jean Baptiste De La Salle cũng đã đóng góp lớn lao vào công tác phát triển giáo dục cho toàn thế giới, tại Việt Nam công trình này thể hiện qua các trường như Taberd, Pellerin, Puginier tại Sài Gòn, Huế và Hà Nội và về sau tại các tỉnh, thị, đã đóng góp lớn lao vào sự phát triển giáo dục tại Việt Nam.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

16- Sự đóng góp của Giáo hội về khoa học.

Việc khoa học phát triển khi nào và ở đâu không phải là tùy tiện. Đó là kết quả của sự hội tụ từ các quan niệm về nhân sinh và vũ trụ. Càng mê tín dị đoan thì càng chậm tiến về đời sống vật chất nhất là tại những địa phương thờ vật tổ (totem) phỉếm thần (pantheism), đào giếng sợ động long mạch, đa thần (polytheism), dời núi, lấp sông thì sợ động sơn thần, thủy thần thì khoa học vật chất không phát triển được.

Loren Eiseley nhận xét: “Chính thế giới Thiên Chúa Giáo cuối cùng đã khai sinh ra chính phương pháp thực nghiệm của khoa học một cách rõ ràng. Đầu tiên, tính hợp lý khoa học giả định rằng thế giới có trật tự.”

17-

Học thuyết về Thượng Đế tạo dựng vũ trụ đã thấm nhuần văn hóa Tây phương với quan điểm thiên nhiên đến từ tâm trí của Thiên Chúa, Vũ trụ có thể hiểu được vì nó đến từ trí thông minh sáng tạo của Thượng Đế.. Nếu không có một cấu trúc hợp lý với các mô hình và quy trình đều đặn thì sẽ không có hy vọng cho việc nghiên cứu thế giới tự nhiên.

Efron nhận xét, “Quan điểm cho rằng thiên nhiên là hợp lý được vay mượn từ thần học Thiên Chúa Giáo.”

Rodney Stark cũng khẳng định: “Thiên Chúa giáo mô tả Chúa như một Đấng có lý trí, nhanh nhẹn, đáng tin cậy, toàn năng và vũ trụ là sự sáng tạo của Thượng Đế, do đó có một cấu trúc hợp lý, hợp pháp, ổn định, chờ đợi con người tìm hiểu”

Ngày nay con người có vẻ hiển nhiên thấy rằng thiên nhiên có thể hiểu được và tuân theo những quy luật cụ thể có thể mô tả được thông qua các phương trình toán học. Nhưng không phải nền văn hóa nào cũng có quan điểm này.

Trên thực tế, không phải mọi nền văn hóa hay tôn giáo đều chấp nhận rằng thế giới thiên nhiên là có thật.

18-Tư tưởng lên khuôn cho hành động.

18.(1)

- Một số tôn giáo cho rằng **thế giới vật chất chỉ là ảo ảnh**. Một xã hội được xây dựng dựa trên ý tưởng như vậy sẽ khó có thể coi việc nghiên cứu thế giới là một hoạt động tích cực. Tại sao người ta lại dành thời gian và công sức để phân tích một ảo ảnh? Điều đó sẽ giống như nuôi dưỡng một ảo tưởng. Nó không những không đáng khen ngợi mà còn có thể bị coi là ngu ngốc, tệ nhất là nguy hiểm. Ngay cả mỗi khi dân chúng chấp nhận thực tế của thế giới vật chất, điều đó không tự động có nghĩa là họ sẽ coi thế giới tự nhiên là đáng nghiên cứu.

18.(2)

- Hiện tượng tự nhiên không phải là do **dao động**. Một số tôn giáo dân gian, đa thần hoặc thờ vật linh, quan niệm rằng hiện tượng thiên nhiên chỉ là kết quả của những dao động của đam mê của Thần linh. Như Sơn Tinh và Thủy Tinh đấu nhau tạo nên hiện tượng lũ lụt ở sông Nhị Hà hay Hà Bá nổi giận gây nên lụt ở Hoàng Hà, Dương tử, thì chẳng có ý nghĩa gì khi tìm kiếm nguyên nhân tự nhiên nếu bản thân các hiệu ứng đó chỉ được tạo ra do tâm trạng dao động thay đổi của thần linh. Nếu thế giới tự nhiên hoạt động theo một kiểu hoàn toàn vô trật tự thì sẽ vô ích nếu cố gắng giải mã cấu trúc và phương thức vận hành vốn có của nó.

18.(3)

- Một số tôn giáo và triết học coi thế giới vật chất là **xấu xa, chôn lưu đày, trần ai khổ lụy, cần phải trốn chạy, không có gì vui thú**. Các thái cực này đều có thể đóng vai trò là trở ngại cho việc tiến hành nghiên cứu khoa học nhân văn và khoa học thiên nhiên. Nếu thế giới vật chất vốn đã xấu thì có lẽ việc điều tra nó quá kỹ sẽ không tốt. Tuy nhiên, theo quan điểm Thiên Chúa Giáo thế giới vật chất, tuy là chỗ tạm dung, nhưng có thật, không phải hư ảo, tốt đẹp, đáng được nghiên cứu để hiểu mệnh Trời như quan niệm tân tiến của Khổng Tử. “Quân tử biết mệnh Trời, sợ mệnh Trời và tuân theo mệnh Trời”. Đúng là “Bất tri Thiên mệnh vô dĩ vi quân tử dã”. Không biết mệnh Trời thì không phải là quân tử. Muốn biết mệnh Trời thì đương nhiên phải nghiên cứu học hỏi.

18.(4)

- Ngoài ra, còn có niềm tin rằng **thế giới tốt đẹp nhưng bản thân nó không phải là thiêng liêng**. Nếu thiên nhiên là chúa tể hoặc một tập hợp các vị thần, thì việc đưa các hiện tượng tự nhiên vào thí nghiệm và thao túng có thể bị coi là vô đạo đức và đáng chê trách về mặt đạo đức hoặc bị thần linh vạ cổ.

Việc bảo vệ thiên nhiên là điều kiện tiên quyết cốt yếu cho khoa học. Nhưng phải quan niệm thiên nhiên không phải là vị thần đáng sợ. Đáng sợ thì không dám nghiên cứu, mà thiên nhiên là một tác phẩm của Thiên Chúa để được ngưỡng mộ, nghiên cứu và quản lý. “Thế giới là tốt đẹp, sự sáng tạo của một Chúa tốt lành, nhưng thiên nhiên đó không phải là Chúa, và do đó nó có thể được nghiên cứu mà

không sợ vô đạo. Một lần nữa, quan điểm của Thần học Kitô giáo mang lại sự cân bằng cần thiết để việc nghiên cứu khoa học được coi là có giá trị.

18.(5)-Vị trí con người

Quan điểm của Thiên Chúa Giáo về vị trí của con người trong sự Sáng tạo. Vì loài người được tạo dựng theo hình ảnh và giống Thiên Chúa, nên con người được nâng lên trên phần còn lại của tạo vật. “**Nhân linh ư vạn vật**”. Quan điểm này được ủng hộ bởi Sáng thế ký (Genesis 1:28), nơi Đức Chúa Trời ban cho con người quyền thống trị trái đất. Khi đó, trái đất và tất cả những gì ở trong đó và nên được cho con người sử dụng như một nguồn tài nguyên mà họ có thể sử dụng để đạt được những mục đích phù hợp. Điều đó không có nghĩa là con người nên khai thác môi trường tự nhiên của mình, họ có thể trông trọt nó, giúp nó sinh nhiều hoa trái hơn và sử dụng nó để mang lại lợi ích cho nhân loại.

18.(6)-Nhân loại có lý trí hữu hạn

Học thuyết về tội tổ tông dẫn đến việc thừa nhận rằng có những giới hạn đối với lý trí tự nhiên của con người, đặc biệt là trong tình trạng sa ngã. Bởi vì lý trí của con người dễ mắc phải những nhận thức sai lầm và sai sót trong lý luận nên người ta phải hết sức thận trọng và có chủ ý trong các phương pháp quan sát của mình để đi đến những kết luận đúng đắn. Đối với tiến trình tri thức. Trực giác (tuition) ban đầu là không đủ; người ta phải kiểm tra các giả thuyết của mình, suy luận (reasonment) để xem chúng có đúng không. Efron cho rằng quan điểm này hỗ trợ sự phát triển của phương pháp tiếp cận khoa học và thực nghiệm để nghiên cứu thế giới. **Efron viết:** Vào thế kỷ XVI và XVII, quan niệm của Augustine về tội nguyên tổ, được những người ủng hộ triết học tự nhiên đón nhận. Như họ đã thấy, những con người sa ngã thiếu khả năng hiểu được hoạt động của thế giới nếu chỉ thông qua việc suy ngẫm, mà còn đòi hỏi phải có . . . thí nghiệm và quan sát tỉ mỉ để đạt được kiến thức về cách thức vận hành của thiên nhiên. . . giáo lý Thiên Chúa Giáo đã thúc đẩy việc thử nghiệm.

18.(7)-Giáo hội chấp nhận tinh thần khai phóng và tính hợp lý

18.7.(a)

- Một yếu tố khác trong khả năng của Giáo hội trong việc giúp thúc đẩy sự phát triển của khoa học là sự cởi mở của Giáo hội đối với các nguồn đến từ các nền văn hóa khác, bao gồm cả thông tin đầu đến từ suy tư triết học và các phương thức duy trí tự nhiên khác.

18.7.(b)

- Kể từ khi thành lập, Giáo hội đã “coi tính hợp lý” là một tài sản. Đặc biệt, Giáo hội sơ khai đã tham gia và trong một số trường hợp đã áp dụng những hiểu biết sâu sắc đến từ tư tưởng Hy Lạp cổ điển. Sự cởi mở đối với sự thật ở bất cứ nơi nào nó

được tìm thấy là dấu ấn của truyền thống trí thức Thiên Chúa Giáo. Lý trí và đức tin được hiểu là tương hợp và soi sáng cho nhau.

18.7.(c)

- Sự hỗ trợ thể chế của Giáo hội cho khoa học. Trong lịch sử, Giáo hội với tư cách là một tổ chức đã tích cực khuyến khích khoa học. Giáo hội đã làm như vậy theo ít nhất hai cách:

- (1) Giáo hội thành lập các tổ chức giáo dục đại học nhằm trau dồi học thuật trong nhiều ngành học thuật khác nhau và
- (2) Giáo hội đóng vai trò như một tổ chức hỗ trợ sự phát triển của khoa học bằng cách khuyến khích và tài trợ rõ ràng. Sự thừa nhận của Giáo hội đối với giá trị của triết học và khoa học tự nhiên đã giúp bảo tồn đời sống trí thức trước sự sụp đổ của Đế chế La Mã phương Tây vào thế kỷ thứ tư và thứ năm.

18.7.(d)

Khi các trường học của Đế Quốc La Mã bắt đầu biến mất, Giáo hội đang mở rộng. “Trên thực tế, một tổ chức của Giáo hội Thiên Chúa -các tu viện—đã đóng góp nhiều nhất vào việc bảo tồn và cuối cùng là truyền bá các ngành khoa học cổ điển.” (David Lindberg).

Ảnh hưởng của Giáo hội đối với giáo dục đã vượt xa Thời đại Giáo phụ. Edward Grant phản đối câu chuyện cho rằng thời Trung cổ là thời kỳ đen tối. Ngược lại, ông cho rằng nền tảng của khoa học hiện đại sơ khai đã được đặt vào thời Trung cổ. Trên thực tế, ông còn đi xa hơn khi nói rằng “một cuộc cách mạng khoa học không thể xảy ra ở Tây Âu vào thế kỷ 17 nếu trình độ khoa học và triết học tự nhiên vẫn giữ nguyên như thời nửa đầu thế kỷ 12”.

18.7.(e)

- Nói cách khác, sự phát triển của nghiên cứu thời Trung cổ đã dẫn tới cuộc cách mạng khoa học vào thế kỷ XVII. Học giả về lịch sử khoa học, James Hannam, đồng ý và viết, “Phần lớn khoa học và công nghệ mà chúng ta ngày nay coi là đương nhiên đều có nguồn gốc từ thời trung cổ.” Giáo hội đi đầu trong việc thúc đẩy các quan điểm và thể chế nhằm tạo động lực cho khoa học phát triển. Grant đưa ra ba điều kiện tiên quyết từ thời Trung cổ để có thể thực hiện được cuộc cách mạng khoa học:

- (1) *Việc dịch các tác phẩm Hy Lạp-A Rập về khoa học và triết học tự nhiên sang tiếng Latinh,*
- (2) *Sự hình thành của trường đại học thời Trung cổ, và*
- (3) *Sự xuất hiện của các nhà triết học thần học-tự nhiên.*

Chúng ta sẽ tập trung chú ý vào hai điều kiện tiên quyết như sau.

(1) Sự phát triển của hệ thống đại học có ý nghĩa quyết định đối với sự xuất hiện của khoa học hiện đại. Có hai thành phần trong hệ thống đại học có lợi về mặt này: (a) Cơ cấu doanh nghiệp của các trường đại học và

(2) Chương trình giảng dạy mà họ sử dụng.

Giáo hội có vai trò trong cả hai. Michael Shank lưu ý rằng “thời trung cổ đã khai sinh ra trường đại học, phát triển với sự hỗ trợ tích cực của giáo hoàng.” Stark cũng khẳng định tương tự, “Sự phát triển của khoa học đã kéo dài từ thế kỷ XVI, đã được tính toán cẩn thận.” được nuôi dưỡng bởi các học giả sùng đạo của Thiên Chúa Giáo. Hệ thống đại học là một phần rất lớn trong di sản khoa học Thiên Chúa Giáo. Các trường đại học phần lớn bắt đầu như những trường học ở thánh đường. Cơ cấu doanh nghiệp của các trường đại học đã mang lại cho họ những đặc quyền đáng kể. Như Grant chứng thực, các trường đại học đã nhận được sự đối xử đặc biệt từ nhà thờ và chính quyền thế tục. Mỗi khoa được trao quyền xét xử các vấn đề nội bộ của mình và do đó có quyền đánh giá mức độ xứng đáng của các giảng viên và sinh viên tham gia với tư cách là thành viên, có những đặc quyền liên quan đến địa vị cá nhân. Các thành viên của trường đại học được trao một số quyền quan trọng nhất định, trong đó quan trọng nhất là tư cách giáo sĩ. Mặc dù hầu hết các giảng viên và sinh viên không được phong chức cũng như không theo chức vụ nào, nhưng địa vị giáo sĩ đã trao cho họ các quyền của giáo sĩ. Tấn công một học sinh hoặc một bậc thầy đang đi du lịch cũng giống như tấn công một linh mục và phải chịu những hình phạt nghiêm khắc.

18.7.(f)

- Ngoài ra, Rodney Stark chỉ ra rằng địa vị giáo sĩ mang lại cho sinh viên và giảng viên đại học “quyền chỉ được xét xử tại tòa án giáo hội (nơi các hình phạt thường nhẹ hơn nhiều so với các tòa án dân sự).” Do đó, cả Giáo hội và Nhà nước đánh giá cao các trường đại học. Theo Nathan Schachner: Trường đại học là đứa con cưng của Giáo Hoàng, của nhà vua cũng như chính quyền thành phố. Các đặc quyền được trút xuống các trường Đại học kiêu hãnh như một dòng suối vàng liên tục; những đặc quyền không có đối tác, trước đó, hoặc kể từ đó. Ngay cả các hệ thống cấp bậc thiêng liêng của Giáo hội cũng không có sự miễn trừ hoàn toàn đối với học giả ăn xin nghèo nhất có thể yêu cầu được một trường Đại học bảo vệ. . . . Các Giáo hoàng đã can thiệp bằng ngôn ngữ mạnh mẽ để buộc hoàng gia phải tôn trọng quyền bất khả xâm phạm của thể chế được ưu ái này.”

18.7.(g)

- Như chúng ta có thể thấy, Giáo hội đã trực tiếp tham gia vào việc phát triển các trường đại học, vốn là yếu tố then chốt trong việc tạo ra nền khoa học hiện đại. Ngoài việc nhập khẩu cơ cấu doanh nghiệp của các trường đại học, việc tổ chức chương trình giảng dạy cũng rất quan trọng đối với sự phát triển của giới học thuật,

bao gồm cả khoa học. Nói chung, để lấy bằng cử nhân mất khoảng ba đến bốn năm học. Để có được bằng Cao học cần thêm một đến hai năm. Điều quan trọng cần lưu ý là, nói chung, cần phải có bằng cao học ⁽¹⁴⁾ trước khi có thể theo đuổi bằng cấp của một trong những ngành cao hơn như luật, y học hoặc thậm chí là thần học.

Hàng chục trường đại học đã giới thiệu cho số lượng lớn sinh viên về hình học Euclide, quang học, các vấn đề về sự phát sinh ra và tái tạo, những kiến thức cơ bản về thiên văn học, và những lập luận về tính hình cầu của trái đất. Đây là một hiện tượng văn hóa bậc nhất, vì nó ảnh hưởng đến tầng lớp tinh hoa biết chữ gồm hàng trăm nghìn sinh viên. Không thể phóng đại tác động văn hóa của chương trình giảng dạy này, và Giáo hội đã can dự mật thiết vào hiện tượng này. Chương trình giảng dạy nghệ thuật ban đầu tập trung vào trivium và quadrivium. Câu đố bao gồm ngữ pháp, hùng biện và logic; quadrivium bao gồm số học, hình học, thiên văn học và âm nhạc.

18.7.(h)

- Theo thời gian, các tác phẩm của Aristote và các học giả Hy Lạp-Ả Rập khác cũng được giới thiệu. Đặc biệt, các nghiên cứu về triết học như đạo đức và siêu hình học trở nên quan trọng. Ngoài ra, tiền thân của khoa học hiện đại, triết học tự nhiên, cũng chiếm vị trí trung tâm. Trên thực tế, đối với các nhà thần học, logic và triết học tự nhiên, bao gồm cả vật lý, được coi là không thể thiếu. Điều này dẫn chúng ta đến một điều kiện tiên quyết khác của Grant cho sự phát triển của khoa học: tầng lớp các nhà thần học cũng là những nhà triết học tự nhiên.

18.7.(i)

- Điều kiện tiên quyết cho Cách mạng Khoa học là sự xuất hiện của một tầng lớp các nhà triết học, thần học-tự nhiên, tức là một tầng lớp những cá nhân không chỉ được đào tạo về thần học. . . nhưng trước đây cũng đã đạt được bằng cao học hoặc tương đương và do đó đã được đào tạo kỹ lưỡng về chuyên ngành đó. Nếu các nhà thần học tại các trường đại học quyết định phân đôi việc học của Aristote là nguy hiểm cho đức tin, thì nó đã không thể trở thành trọng tâm nghiên cứu ở các trường đại học châu Âu. . . Họ không chỉ tán thành một chương trình giảng dạy nghệ thuật thế tục mà hầu hết đều tin rằng triết học tự nhiên là điều cần thiết để làm sáng tỏ thần học một cách đúng đắn. . . Họ là những người đóng góp đáng kể cho cả triết học tự nhiên và khoa học, và hầu hết họ giảng dạy hoặc viết về những chủ đề này. Quả thực, một số thành tựu đáng chú ý nhất về khoa học và toán học thời Trung Cổ đều đến từ các nhà thần học.

¹⁴ Master of Arts

18.7.(k)

- Grant lập luận rằng sự hỗ trợ của Giáo hội đối với việc nghiên cứu triết học và khoa học tự nhiên không có sự tương đồng chính xác ở các xã hội khác vào thời điểm đó. Ví dụ, mặc dù có các nhà khoa học Hồi giáo, nhưng họ không nhận được mức độ hỗ trợ từ các nhà lãnh đạo tôn giáo như các nhà khoa học ở Châu Âu theo phương cách tổ chức Công giáo. Vì vậy, Grant lập luận: Ba điều kiện tiên quyết vừa thảo luận – các bản dịch, các trường đại học và các nhà thần học-triết học tự nhiên – đã đặt nền tảng cho sự xuất hiện của khoa học hiện đại vì chúng cung cấp một môi trường thuận lợi cho việc nghiên cứu khoa học. Và nếu không có sự hỗ trợ của các nhà thần học và Giáo hội, các trường đại học thời trung cổ sẽ không thể thiết lập chương trình giảng dạy triết học khoa học tự nhiên, khởi đầu cho sự tham gia lâu dài và không gián đoạn của Tây Âu vào các vấn đề và tư tưởng khoa học.

Qua những cân nhắc này, rõ ràng là Giáo hội thời Trung cổ - thông qua sự phát triển của các trường đại học và vai trò trung tâm của toán học và khoa học tự nhiên trong chương trình giảng dạy của họ - đã cung cấp nền tảng cho sự phát triển của khoa học hiện đại. Giáo hội cũng cung cấp hỗ trợ tài chính đáng kể cho sự tiến bộ khoa học. Theo lời của John Heilbron, “Nhà thờ Công giáo La Mã đã hỗ trợ nhiều hơn về tài chính và xã hội cho việc nghiên cứu thiên văn học trong hơn sáu thế kỷ. . . hơn bất kỳ tổ chức nào khác, và có lẽ là tất cả, các tổ chức khác.”. Michael Shank nói thêm rằng “Quan điểm của Heilbronn có thể được khái quát hóa vượt xa thiên văn học.” Giáo hội và các quan chức cấp cao là những người bảo trợ chính cho các nhà khoa học mới vào nghề, thúc đẩy và phát triển hỗ trợ tài chính cho công việc nâng cao kiến thức khoa học của họ. Lịch sử khoa học cho thấy rằng Giáo hội từ lâu đã coi khoa học là một nỗ lực cao quý và xứng đáng và đã cổ vũ việc nghiên cứu khoa học. Giáo hội hỗ trợ giáo dục khoa học cả về mặt thể chế lẫn thông qua hỗ trợ tài chính. Sự hỗ trợ về thể chế này và những quan điểm khái niệm quan trọng được nêu ở trên có liên quan trực tiếp đến sự ra đời của khoa học hiện đại như chúng ta biết ngày nay.”

IV. VỀ PHƯƠNG DIỆN KINH TẾ XÃ HỘI:

Đức Giáo Hoàng Gregory I, từ năm 590-604, đã là hình ảnh sáng ngời về khoa quản trị kinh tế, chẳng những phát triển tài chánh của Giáo Hội đến giai đoạn tự túc, mà còn ảnh hưởng đến nền quản trị tài chánh và giao thương thế giới. Ngài đã lập một hệ thống cung cấp các sản phẩm ngũ cốc và lâm sản cho đế quốc La Mã, phát triển về kinh tế cho Giáo hội La Mã và cho nhân gian, xây thêm nhiều Thánh đường, tạo công ăn việc làm cho nhân công trong đế quốc. Ngày nay, trong khoa Quản trị học - Management Science - được diễn giảng tại các đại học, các học giả phải công nhận rằng:

“Giáo hội Thiên Chúa Giáo là cơ quan có kỹ năng quản trị hữu hiệu nhất thế giới.”
[xii]

Giáo hội đã thực thi sứ mệnh kinh tế và xã hội suốt tiến trình phát triển của Giáo hội bằng cách luôn luôn lưu tâm đến đời sống kinh tế và nêu cao chủ thuyết bảo vệ và thăng tiến đời sống lao động thợ thuyền.

Đức Giáo Hoàng Lêô XIII đã công bố Thông điệp Tân Sự - Rerum Novarum năm 1891, bàn về những công tác mới, cho thế giới biết mỗi ưu tư của Giáo hội không chỉ lo phần cứu rỗi linh hồn mà quên phần xây dựng đời sống nhân thế. Chúa tạo dựng nhân loại và dành cho nhân loại của cải thế gian để sinh sống, sự phân phối phải được quân bình và hữu ích cho mọi người và mọi người phải được sinh sống hạnh phúc.

Giáo Hoàng Piô XI đã tiếp nối sứ mệnh kinh tế, công bố thông điệp năm thứ 40 - Quadragesimo Anno - Kỷ niệm năm thứ 40 ngày công bố Thông điệp Tân Sự, nhắc lại mỗi bận tâm của Giáo Hội đối với đời sống xã hội, nhân loại phải được sống hạnh phúc, thoát khỏi cảnh áp bức, bóc lột bởi các chính quyền độc tài, đảng trị, dành hết đặc quyền, đặc lợi cho một thiểu số “Áo xiêm buộc trói lấy nhau” và đàn áp, bóc lột đại đa số quần chúng.

Thêm vào đó, Thông điệp về con người lao động - Laborem Exercens - năm 1981 kêu gọi cải tiến tình trạng lao tác và nhất là dành cơ hội thăng tiến đồng đều cho nhân công.

"To foster the rights of disabled people to professional training and work, so that they can be given a productive activity suited to them".

Giáo hội đã tổ chức một hệ thống cơ sở Bác Ái Công giáo hoạt động tại nhiều quốc gia trên thế giới. Như vậy, tất cả chính sách nhân bản về kinh tế, xã hội đều nhằm vào luật Mến Chúa Yêu Người: Yêu người tức là "Nhân". Giúp người tức là "Nghĩa". Kính trọng người tức là "Lễ". Hiểu biết để xử thế sáng suốt tức là "Trí", và thành thực, đáng tin cậy tức là "Tín". Năm đức tính của người Việt cao quý cũng là năm đức tính của người tín hữu sáng suốt của các tín ngưỡng.

Như đã nói, Thiên Chúa Giáo là đạo nhập thế, đem triết lý hành động xây dựng trần thế về mọi phương diện chính trị, văn hóa, giáo dục, kinh tế, xã hội, cá nhân và gia đình.

Các chủ điểm này đã được Cộng đồng Vatican II năm 1963 thảo luận và chấp thuận làm tiêu chuẩn hướng dẫn thái độ và hành động của giáo dân: Từ sự giản dị hóa vấn đề tế tự và dùng ngôn ngữ địa phương thay thế cho tiếng Latin nhằm mục đích đem văn hóa, tình tự của mỗi dân tộc vào việc tế tự, tạo sự thông công toàn vẹn vào lúc tế lễ.

Hiền Chế Mục vụ đã viết

"The rites should be clear, and free from useless repetitions. They should be within the people power of comprehension, and normally should not require much explanation". (Constitution of Sacred Liturgy)

- đến sự hướng dẫn đời sống cá nhân Vatican II ngăn chặn tự do phóng nhậm về luyến ái, phá thai, đa hôn và ly dị để bảo vệ hạnh phúc gia đình và tương lai đạo đức của nhân loại.

Tạm kết

Lược qua diễn trình tiến triển của Giáo Hội để chúng ta có một ý niệm tổng quát về triết lý hành động của Giáo Hội đối với các vấn đề trần thế. “Trống không đánh không kêu, người không nói không hiểu”. Một quốc gia hùng mạnh là một quốc gia tôn trọng tự do tôn giáo và các tôn giáo trong quốc gia đó hoà đồng, sinh hoạt trong tình đồng hương, nghĩa đồng bào và nhất là hợp nhất để tự duy, phát triển về đạo và đời.

Người tín hữu sáng suốt phải thực thi sứ mệnh xã hội theo tôn chỉ của Giáo Hội mà mình đang hành đạo. Chống độc tài đảng trị chà đạp nhân quyền của các chế độ chuyên chế. Chúng ta không nên quá do dự, e ngại khi phải dấn thân vào con đường tranh đấu chính trị để giải thoát con người khỏi cảnh sống lầm than cơ cực.

Bày tỏ thái độ chính trị là nhiệm vụ của mỗi giáo dân của mọi tín ngưỡng để xây dựng một thế giới hòa bình và công chính. Giáo dân hải ngoại phải tranh đấu cho nhân quyền, nâng cao đời sống kinh tế, xã hội cho đồng loại, chống bóc lột của giới chủ nhân. Chúng ta không nên e ngại vì phải phản đối, đình công, để cải tiến đời sống lao động thợ thuyền.

Phát triển tình đồng loại, đoàn kết qua các chương trình văn hóa, giáo dục. Chúng ta không nên e ngại khi phải bỏ thì giờ cá nhân để sinh hoạt xã hội, văn hóa, để nâng cao uy tín của người dân Việt và nâng cao dân trí, điều kiện tiên quyết chuẩn bị cho mọi phát triển trong công trình cải tiến nền văn minh nhân loại. Đem điều

hay lẽ phải để phù thể giáo một vài câu thanh nghị là nhiệm vụ chung của chúng ta vì thật ra "Biết mà không nói là bất nhân, nói mà không nói hết cũng bất nghĩa".

Thế giới "động" và biến chuyển nhanh chóng, chúng ta không thể duy trì thế tĩnh tọa. “Mặc ai hỏi, mặc ai không hỏi đến”, mà phải tích cực giải quyết vấn đề, cần phải thống nhất ý chí hành động theo chính sách chung được hàng Giáo phẩm và Giáo dân biểu quyết chấp thuận để dùng làm "Cẩm Nang" cho giáo hữu, sẽ giảm bớt dị biệt về tiêu thức hành động, tiến đến sự hợp quần gây sức mạnh.” With God all things are possible”.

Các chế độ chuyên chế, tiêu diệt tôn giáo, không có mục đích phục vụ hạnh phúc của toàn dân mà có mục đích chiếm đoạt tài sản quốc gia để phục vụ đảng viên và giai cấp thống trị.

Thủ Tướng Winston Churchill đã nhận định là chủ trương của chế độ Cộng sản là chia đều sự nghèo khó cho toàn dân.

“Đặc điểm của chủ nghĩa xã hội Cộng sản là sự chia sẻ đau khổ một cách bình đẳng”.

“The inherent virtue of Socialism is the equal sharing of miseries”—House of Commons, 22 October 1945.

Người tín hữu giáo dân của mọi tôn giáo có mục đích chung là cứu rỗi linh hồn cho chính mình và cho tha nhân. Tha nhân gồm các tín hữu đồng đạo và khác đạo nhưng cùng chung lý tưởng thánh hóa bản thân. Chúng ta sống đạo bằng cách vừa sùng đạo, vừa học đạo và vừa hành đạo mới có kết quả, giữ cho thân, tâm an lạc. Người tín hữu chân chính, đạo đức, không những phải thương yêu người đồng đạo mà còn phải thương yêu những người khác đạo. Đạo nào cũng có điều hay cho chúng ta học hỏi và áp dụng. Tìm hiểu ưu điểm của mỗi tôn giáo giúp chúng ta bớt chủ quan chỉ có đạo mình mới là chánh đạo về tâm linh mà quên đi sự đóng góp của các đạo khác trong công tác xây dựng trần thế đã gián tiếp hay trực tiếp giúp cho đời sống của chúng ta được khỏi khổ.

Nhờ đó, con thuyền quốc đạo Việt Nam sẽ vững tiến, đấu sức với ba đào, thi gan cùng sương gió, để góp phần hữu hiệu vào đại nghiệp kiến tạo một quốc gia Việt Nam tự do, hạnh phúc.

Mỗi khi các đạo hữu chân chính hành động theo tôn chỉ “Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, Từ Bi, Hỷ Xả, Công Bình, Bác Ái, yêu thương tha nhân như mình ta vậy, để phục vụ đồng bào Việt Nam trong tình đồng hương, nghĩa đồng bào, với tinh thần: “Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn. Đem chí nhân thay cường bạo” thì Việt Nam sẽ thoát được nạn độc tài đảng trị.

Vai trò của đạo giáo rất quan trọng trong tiến trình phát triển dân sinh. Chủ nghĩa CS kêu gọi cách mạng lật đổ chế độ tư bản, tiêu diệt tôn giáo. Tiêu diệt không được thì đổi chiến thuật lập ra “Tôn giáo quốc doanh” để khai thác.

Mục đích chính của các người sáng lập ra Chủ nghĩa Cộng sản⁽¹⁵⁾ là cộng sản hoá các nước kỹ nghệ Tây phương, nhưng thất bại vì chủ trương duy vật⁽¹⁶⁾, đi ngược lại tín ngưỡng duy tâm của muôn dân thiên hạ và vi phạm nhân quyền. Đức tin vào tôn giáo là mãnh lực chống xâm lăng do bọn Cộng sản vô thần phát động. Một thí dụ điển hình:

Trước khi bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Cộng Sản⁽¹⁷⁾ ra đời năm 1848, Đức Giáo Hoàng Piô thứ IX, năm 1846 đã tuyên bố trong Tông Huấn “Qui Pluribus” về Đức tin và Tôn giáo:

“Cái học thuyết xấu xa gọi là chủ nghĩa Cộng sản hoàn toàn trái với luật tự nhiên, và một khi được chấp nhận, nó sẽ tiêu diệt hết dân quyền, tài sản, quyền sở hữu của nhân loại và chính xã hội loài người.” [xiii]

Trong tinh thần bảo vệ lý tưởng tự do, dân chủ, nhân quyền, Tổng Thống Hoa Kỳ Calvin Coolidge xác định:

“Chính phủ chúng tôi được hình thành dựa trên căn bản tôn giáo. Nhờ tôn giáo, chúng tôi có được sự tôn kính đối với sự thật và công lý, đối với sự bình đẳng và tự do, cũng như đối với các quyền của nhân loại. Trừ khi người dân tin vào những nguyên tắc này, họ không thể tin vào chính phủ của chúng tôi. Chỉ có hai lý thuyết chính về chính phủ trong thế giới của chúng ta. Một bên dựa vào lẽ phải và một bên dựa vào vũ lực. Một người kêu gọi lý trí, và người kia kêu gọi giáo mác. Một bên được thể hiện trong nền cộng hòa, cái còn lại được đại diện bởi chế độ độc tài chuyên chế”. [xiv]

Sự hợp tác giữa các tôn giáo trong công tác phụng sự xã hội sẽ mang lại thái bình, thịnh trị, tự do, dân chủ và hạnh phúc thực sự cho toàn dân.

Xin ơn Trên phù hộ chúng ta.

Trần Xuân Thời

“Văn Dĩ Tài Đạo”

¹⁵ (communism)

¹⁶ (materialism)

¹⁷ Communist Manifesto

- ⁱ "There were marked and profound changes in all areas, not only politically but socially and intellectually".
- ⁱⁱ "We have determined, with the help of God, now to make a present, for the common good, of what appeared to many past emperors to require improvement, but which none of them, in the meantime, ventured to put into effect".
- ⁱⁱⁱ "The reforms of Pope Gregory VII gave impetus to forming the laws of European states. ...But it's just as true that the law is there to protect those who live under it. It's much better to be in a society living under the rule of law than the rule of force, or the rule of the jungle."
- ^{iv} "Fr. Andrew Pinsent, writing in the Catholic Herald, wants to remind the world that many of the goods that we enjoy in life have been protected and promoted by the Church down through the centuries. In "What the Church has given the world," Fr. Pinsent points out that the Church had a lot to do with the development of modern law and many legal concepts we often take for granted today."
- ^v "The reforms of Pope Gregory VII (1085) gave impetus to forming the laws of the Church and states of Europe. The subsequent application of philosophy to law, together with the great works of monks like the 12th-century Gratian, produced the first complete, systematic bodies of law, in which all parts are viewed as interacting to form a whole."
- ^{vi} "The Declaration of Independence states three basic ideas: (1) Creator made all men equal and gave them the rights of life, liberty, and the pursuit of happiness; (2) the main business of government is to protect these rights; (3) if a government tries to withhold these rights, the people are free to revolt and to set up a new government."
- ^{vii} "True law is right reason in agreement with Nature; it is of universal application, unchanging and everlasting. It is a sin to try to alter this law, nor is it allowable to attempt to appeal any part of it, and it is impossible to abolish it entirely. Creator is author of this law, its promulgator, and its enforcing judge."
- ^{viii} "On the eve of the twentieth century attempts to regulate warfare in The Hague Conference of 1899, and again in 1907, were constrained by notions of State sovereignty. As the Nuremberg judges pointed out in 1946, "The Hague Convention nowhere designates such practices [methods of waging war] as criminal, nor is any sentence prescribed, nor any mention made of a court to try and punish offenders."
- ^{ix} "The Nuremberg trials established that all of humanity would be guarded by an international legal shield and that even a Head of State would be held criminally responsible and punished for aggression and Crimes Against Humanity."
- ^x "The fact that a person who committed an act which constitutes a crime under international law acted as Head of State or responsible Government official does not relieve him from responsibility under international law".
- ^{xi} "A government that abuses its authority by enacting laws that are unjust, unreasonable or against the common good, forfeits its right to be obeyed because it lacks moral authority, ... and their subjects are not obliged to obey them..."
- ^{xii} "The Roman Catholic would have to be considered the most effective organization of all time" (Organization - Behavior Structure and Processes by Gibson, Ivancevich and Donnelly).
- ^{xiii} "That infamous doctrine of so-called Communism which is absolutely contrary to the natural law itself, and if once accepted would utterly destroy the rights, property and possessions of all men and even society itself."
- ^{xiv} "Our government rests upon religion. It is from that source that we derive our reverence for truth and justice, for equality and liberality, and for the rights of mankind. Unless the people believe in these principles they cannot believe in our government. There are only two main theories of government in our world. One rests on righteousness and the other on force. One appeals to reason, and the other appeals to the sword. One is exemplified in the republic, the other is represented by despotism".